

Bản án số: 57/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 24-4-2018

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Cường.

2. Ông Nguyễn Văn Sấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phạm Trí Đôn – Thư ký Tòa án, TAND huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2018 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXX-ST ngày 12 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị B - Sinh năm: 1988

Trú tại: thôn G, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

- Bị đơn: Anh C - Sinh năm: 1983

Trú tại: thôn M, xã N, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị B, vắng mặt anh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 21/02/2018, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là chị B trình bày: Chị và anh C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng kết hôn ngày 16/12/2016 tại UBND xã N, huyện Y, Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình và quan điểm sống, nên khi có việc cần bàn bạc vợ chồng không tìm được tiếng nói chung mà thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau.

Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, đã được hai bên gia đình và các đoàn thể xã hội hòa giải nhiều lần nhưng chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn rồi lại xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng, đến tháng 3/2017 vợ chồng sống ly thân tới nay, không quan tâm gì đến nhau.

Nay chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tài sản chung vợ chồng không có gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 27/02/2018 bị đơn là anh C trình bày: anh và chị B kết hôn với nhau ngày 16/12/2016 tại UBND xã N, huyện Y, Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài không tự giải quyết được nên chị B đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 6/2017, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị B xin ly hôn, anh C xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn chị B.

Về con chung: anh C xác định vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên, tại phiên hòa giải ngày 08/3/2018 anh C lại thay đổi quan điểm, anh C cho rằng chị B vẫn đang giữ một số vàng của vợ chồng (khoảng gần 1 cây) là của hồi môn khi vợ chồng mới cưới, anh C đề nghị chị B trả lại cho anh thì anh mới đồng ý ly hôn. Chị B không đồng ý và cho rằng số vàng vợ chồng khi cưới có được do hai bên họ hàng trao, sau khi cưới phải bán đi để trang trải chi phí tổ chức đám cưới và chi tiêu cho sinh hoạt chung của gia đình, hiện nay không còn. Sau đó Tòa án tiếp tục triệu tập nhiều lần nhưng anh C vẫn không có mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh C có hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã N, huyện Yên Định, Thanh Hóa nên việc chị B yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Yên Định giải quyết ly hôn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho đương sự theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

Ngày 30/3/2018 Tòa án nhân dân huyện Yên Định đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình giữa chị B và anh C, nhưng anh C vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa.

Ngày 24/4/2018 Tòa án tiếp tục mở lại phiên tòa nhưng anh C vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh C là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị B và anh C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Y, Thanh Hóa vào ngày 16/12/2016. Đây là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, vợ chồng chỉ chung sống được một thời gian ngắn rồi ly thân, không quan tâm gì đến nhau, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị B và anh C đều có nguyện vọng được ly hôn. Nhưng tại phiên hòa giải ngày 08/3/2018 anh C đã thay đổi quan điểm, không chấp nhận ly hôn. Tại phiên tòa chị B vẫn giữ nguyên quan điểm của mình, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị B được ly hôn anh C là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị B và anh C đều xác định vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Tại phiên hòa giải ngày 08/3/2018 anh C mới có yêu cầu chia tài sản chung, sau đó Tòa án đã triệu tập anh C nhiều lần nhưng anh C vẫn không có mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, vì vậy không xem xét yêu cầu của anh C trong vụ án này, dành quyền khởi kiện về việc chia tài sản chung cho các đương sự trong một vụ án dân sự khác là phù hợp với khoản 3 Điều 200 BLTTDS.

[5] Về án phí: Chị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 200, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị B được ly hôn anh C.

2. Về tài sản chung: Dành quyền khởi kiện về việc chia tài sản chung cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác.

3. Về án phí: Chị B phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2013/02209 ngày 21/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định, Thanh Hóa. (Chị B đã nộp đủ án phí).

4. Về quyền kháng cáo: Chị B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Yên Định;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS Yên Định;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Hoàng